



>> GS. Nonna Vladimirovna Stankevich

CÔ NONNA VÀ SỰ “AN BẦM LẠC ĐẠO”

PGS.TS VŨ ĐỨC NGHIỄU

Trong Phòng truyền thống của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (KHXHNV), ĐHQGHN. Có chân dung một nữ giáo sư người nước ngoài. Khách ngoài trường, các sinh viên lớp mới, khi thăm phòng này, thường ngạc nhiên, nhưng những lớp cựu sinh viên như chúng tôi thì không lạ. Đó là giáo sư ngôn ngữ học người Nga Nonna Vladimirovna Stankevich của Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp (ĐHTH) Hà Nội.

Tên, họ đầy đủ của giáo sư là thế, nhưng chúng tôi, thường chỉ gọi là “cô Nonna”. Cô là một trong “Tứ quý” của Khoa Ngữ văn, Trường ĐHTH Hà Nội ngày trước. Cái biệt danh Tứ quý này là do đám sinh viên chúng tôi hồi ấy

nghĩ ra, truyền tụng, để gọi bốn cô giáo mà chúng tôi rất yêu mến, kính trọng: cô Đặng Thị Hạnh, cô Lê Hồng Sâm, cô Hoàng Thị Châu và cô Nonna. Mỗi người một vẻ, nhưng cái sự sâu sắc, và sự sang trọng khả kính trong học thuật thì chung mẫu số. Tứ quý của chúng tôi nghỉ hưu đã lâu. Ngay như chúng tôi, những chú học trò nhà quê, tỉnh lẻ, mười chín đôi mươi của các cô ngày ấy, nay cũng đã “tà tà bóng ngả”. Cô Hạnh, cô Sâm, cô Châu vẫn ở Hà Nội, còn cô Nonna về nghỉ hưu ở tận Cộng hòa liên bang Nga.

Khi chúng tôi là sinh viên khoa Ngữ văn, đất nước đang còn chiến tranh, chia cắt. Cuộc sống thật nghèo. Cái gì cũng thiếu. Nhưng đáng lạ là sao ngày ấy

không khí học và hỏi trong nhà trường lại không thiếu. Ngày ấy, ở ta, bình thường, gặp một người nước ngoài là chuyện hiếm. Vậy mà chúng tôi có hẳn một cô giáo người Nga, lại ăn mặc kiểu Việt Nam, đội nón lá bài thơ, đến lớp ân cần giảng dạy. Lần đầu tiên chúng tôi gặp và nghe cô giảng bài, cảm giác thật lạ bằng tiếng Việt rất nhẹ nhàng. Người tinh ý nghe giọng cô có pha đôi chút “chất giọng Nghệ”. Khúc chiết, chẳng câu nào thừa, lặp. Tên tuổi của những nhà khoa học có tiếng trên thế giới thuộc lĩnh vực mà cô giảng dạy như Skalichka, Kasnelson, Iakhontov, Uspenskji, Greenberg... cùng tư tưởng, phương pháp của họ đến với chúng tôi qua bài giảng của cô về Loại hình các

ngôn ngữ từ những ngày đó. Về sau, khi học xong, được ở lại để đào tạo thành giảng viên, cùng làm việc ở bộ môn, tôi mới dần dần hiểu thêm về cô.

Quê cô là Thành phố St. Petersburg (trước đây là Leningrad), nơi có dòng sông Neva biếc xanh phản chiếu những chiều hoàng hôn tím và in bóng những lâu đài, cung điện, vàng son, tráng lệ, có những đêm trắng tháng Sáu diệu kỳ và lễ hội "Những cánh bướm đỏ thắm", có Đại học Leningrad danh tiếng, nay đã đổi tên lại là Đại học St. Petersburg.

Nguyễn Tài Cẩn, I.S. Bustrov, M.V. Gordina, V.S. Panfilov, I.P. Zimonina, D. Letjagin, cô sẽ tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy về Việt học tại đó; nhưng mỗi lương duyên lại đưa cô về làm dâu họ Nguyễn Tài làng Thượng Thọ, Thanh Chương, Nghệ An. Và người bạn đời của cô chính là nhà ngôn ngữ học tài danh - GS. Nguyễn Tài Cẩn. Về Việt Nam quê chồng, cô được tuyển dụng làm giảng viên tại Trường ĐHTH Hà Nội, Khoa Ngữ văn; rồi từ đấy, gắn bó trọn vẹn với ngành Ngôn ngữ học của Trường

thực hành tiếng Nga, nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, rồi cô nghiên cứu cả về chữ Nôm (cùng với Thầy Cẩn), về Hán văn Việt Nam, đặc biệt là về giao thoa ngôn ngữ giữa Văn ngôn với Việt ngữ, nghiên cứu ngôn ngữ văn xuôi tiếng Việt cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX... Lĩnh vực nào cô cũng thu được những kết quả đáng trọng. Hai cuốn sách: *Loại hình các ngôn ngữ* (viết riêng), *Ngữ pháp tiếng Việt* (viết cùng với Bustrov, Nguyễn Tài Cẩn), cùng với trên trăm bài viết của cô trên các tạp chí khoa học,



>> Từ phải sang trái: GS. Nonna Vladimirovna Stankevich, GS. Nguyễn Tài Cẩn, PGS. Vũ Đức Nghiệu

Tại đây, năm 1964, cô bảo vệ luận án tiến sĩ về "Phạm trù tính từ trong tiếng Việt hiện đại" dưới sự hướng dẫn của Giáo sư S.E. Jakhontov, một cái tên rất quen thuộc với giới ngôn ngữ học quốc tế. Lúc đầu, cô học về ngữ văn Trung Quốc, với ngoại ngữ thứ hai là tiếng Tây Tạng (Tibetan). Vì giáo viên bị ốm, tiếng Tibetan không dạy nữa. Tiếng Việt thay vào đó. Cuối khóa, cô thi tốt nghiệp bằng các môn tiếng Hán và văn học Trung Quốc, nhưng lại làm luận văn tốt nghiệp về Việt học.

Lẽ ra, cùng với những người đặt nền móng cho ngành Việt học ở Đại học St. Petersburg hồi ấy như N.D. Andreev,

(nay là Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học KHXHNV, ĐHQGHN) cho đến lúc nghỉ hưu. Thế là khởi nghiệp khoa học ở Leningrad, nhưng suốt thời gian làm nghiên cứu và giảng dạy, Cô lại hoàn toàn ở Việt Nam, mà hầu hết trong thời gian khó khăn, vất vả, chiến tranh của đất nước.

Hồi ấy, ngành Ngôn ngữ học, Việt ngữ học ở Trường ĐHTH Hà Nội mới đang bắt đầu được gây dựng. Cô cùng các đồng nghiệp nỗ lực phát triển ngành. Lo biên soạn giáo trình và giảng dạy các môn về lý thuyết và phương pháp dịch, về loại hình các ngôn ngữ, cả dạy

sách nghiên cứu trong và ngoài nước đã được công bố. Riêng *Loại hình các ngôn ngữ* là cuốn sách duy nhất về lĩnh vực này, cho đến nay, tại Việt Nam, được biên khảo và dùng làm tài liệu giáo khoa chính thức cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ học. Thiết nghĩ, nên đề xuất để công trình này được nhận một giải thưởng xứng đáng. Cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt* của ba tác giả trình bày một hệ thống và phương pháp miêu tả mà vào thời điểm công bố, được coi là khá mới mẻ và thực tiễn.

Đóng góp của cô cho ngành Việt học không chỉ có vậy. Hồi còn chiến tranh,



giao lưu quốc tế khó khăn, cô như cây cầu nối, vừa giới thiệu kịp thời những thành tựu và xu hướng nghiên cứu mới trong ngôn ngữ học thế giới và ngôn ngữ học Xô Viết vào Việt Nam, lại vừa giới thiệu văn hóa, văn học Việt Nam, Việt ngữ học ra nước ngoài qua nhiều tác phẩm dịch và các bài khảo cứu. Năm 2005, Tổng biên tập Tạp chí Ngôn ngữ - GS. Nguyễn Đức Tôn yêu cầu tôi viết cho một bài ngắn để giới thiệu và mừng tuổi 70 của GS. Stankevich. Khó, nhưng tôi đã cố gắng. Và viết xong, nghĩ ngay đến việc phải hỏi thêm thầy Cẩn để kiểm tra lại. Rất may, dịp đó thầy đang ở Hà Nội. Tôi nhớ có hỏi thầy đại ý là: cô có giới thiệu hoặc vừa dịch vừa giới thiệu nhiều tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại sang tiếng Nga, có đúng không ạ? Thầy dùng giấy lát rồi bảo: "Có đấy.

Cô có dịch, giới thiệu tác phẩm của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Anh Đức, Nguyễn Minh Châu"... Rồi từ từ đứng dậy, vào lục trong giá sách. Tôi vào theo, giúp một tay. Một chồng tác phẩm, khá nhiều, của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Anh Đức, Nguyễn Minh Châu... lại của Huy Cận, Nguyễn Tuân, Hoàng Trung Thông... với những lời đề tặng, cảm ơn rất trân trọng. Tất cả đều được in bằng thứ giấy rom màu nước dưa hoặc vàng xỉn, xám ngoách, sản phẩm ghi dấu một thời khó khăn, thiếu thốn.

Quãng trước, sau năm 1970, chính cô là người đầu tiên giới thiệu nội dung ngôn ngữ, văn tự của các văn bản Nôm cổ Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa, Thiên tông khoá hư ngữ lục... sang với giới



ngữ học, Việt học Xô Viết; và những tư liệu này đã rất được quan tâm. Đặc biệt, cô cũng là người đầu tiên phát hiện, giới thiệu văn bản Công giáo Biên phân tà chánh viết bằng tiếng Việt, cực kỳ quý hiếm, tại Leningrad, gây tiếng vang lớn trong giới nghiên cứu Việt học, nhất là ở Liên Xô hồi đó.

Bên cạnh những công việc chuyên môn như thế, trước nay, cũng ít người biết rằng nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, nhiều tài liệu của những đoàn cán bộ cấp cao khi đi công tác đã được dịch sang tiếng Nga qua tay Cô. Nhân một lần nói chuyện về việc này, tôi hỏi Thầy Cẩn, nửa đùa nửa thật: "Hình như hồi ấy chắc cũng chả có tiền nong thù lao gì đâu Thầy nhỉ". Thầy chỉ cười bảo: "Cấp trên giao thì phải gắng thực hiện thôi. Cũng là một nhiệm vụ chứ. Nhưng mà ở mình có nhiều việc nó buồn cười lắm. Nhất là tài liệu làm việc của những đoàn thuộc bộ nọ ngành kia, hội này, hội khác... Cứ như bỏ bom. Mai hoặc cách vài ngày nữa lên đường thì hôm nay mang đến "nhờ chị giúp cho". Thế là cô lại phải cố. Thức đêm thức hôm. Rành khổ".

Cô cũng là người dịch sang tiếng Nga rất nhiều bài viết của nhiều vị lãnh đạo cấp cao, là thành viên trong tổ dịch di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang tiếng Nga đầu tiên. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường yêu cầu bài của ông cho in trên báo Pravda phải do cô dịch.

Cứ như vậy, những việc "hữu danh" và rất nhiều việc "vô danh", cô lặng lẽ làm, lặng lẽ cống hiến. Cái cách làm việc của cô và của thầy Nguyễn Tài Cẩn thì sao mà nó bền bỉ, kiên nhẫn đến lạ lùng. Hồi chưa có máy photocopy, Từ điển

>> GS. Nguyễn Tài Cẩn đang xem quyển Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa tại hội thảo chữ Nôm

Việt - Bồ Đào Nha - La tinh của A. De Rhodes chưa được dịch và in, mà muốn có tài liệu cho công việc, cô và một phần là thầy Cẩn nữa, bỏ công chép lại toàn bộ ở Leningrad. Rồi quãng trước, sau năm 1975, ở một viện nghiên cứu có biên soạn cuốn từ điển chữ Nôm, nhưng chưa in ra được, cô và thầy lại xin chép toàn bộ. Về sau, nói chuyện này với chúng tôi, cô và thầy đều bảo: “Những tài liệu quý và hiếm mà chưa in ra để sử dụng được thì mình phải cố bỏ công ra mà chép thôi. Để có cái mà làm việc. Loại ấy thường khó in lắm. Đợt thi biết đến bao giờ. Mình chịu khó chép sẽ có tài liệu để làm việc sớm được mấy năm”... Thực tế đã đúng như vậy. Có lần thầy Cẩn vừa cười vừa bảo: “N. thấy đúng chưa nhà. Tôi có tài liệu làm việc hai, ba năm nay rồi mà sách đã in ra được đâu. Khó chứ.”

Đi cùng thầy Cẩn tới làm việc ở Đại học Paris 7 một thời gian, cô và Thầy đã nhờ ông Ph. Langlet, ông Y. Hervouet giới thiệu với ông L.M.J.

Verinaud và L.M.Cl. Lange để hai ông này giới thiệu cho được vào kho lưu trữ của Trung tâm Truyền giáo Nước ngoài (Séminaire des Missions étrangères - xây dựng từ năm 1663 ở 128 Rue du Bac, Paris hiện nay) khai thác tài liệu lưu trữ cổ. Thế rồi cô đã phát hiện được và khảo tả khá kỹ, công bố giới thiệu hàng loạt tài liệu viết bằng chữ quốc ngữ thế kỷ 17 - 18 rất quý của Việt Nam: bao nhiêu tập, ký hiệu từng tập, mỗi tập gồm những gì, hiện trạng văn bản, nội dung, niên đại cụ thể... (Bài in trên Tạp chí Khoa học, Trường ĐHTH Hà Nội và trong cuốn sách Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá của thầy Nguyễn Tài Cẩn năm 2001).

Năm 1984, cô được công nhận và bổ nhiệm chức danh Giáo sư Ngôn ngữ

học. Năm 1992, cô nghỉ hưu. Nhưng việc chuyên môn vẫn vậy. Bài dự hội thảo quốc tế, bài cho tạp chí khoa học... vẫn viết. Lại nghiên cứu Truyền thống ngôn ngữ học Việt Nam và sự tiếp xúc của nó với truyền thống ngôn ngữ học Trung Hoa (sách: History of language sciences, in tại Berlin và NewYork, năm 2000), viết bài cho Tạp chí Ngôn ngữ (Việt Nam) về hư từ, ngữ pháp trong văn bản Nôm cổ Truyền kỳ mạn lục, giới thiệu thành tựu và phương pháp mới của ngành từ điển học Nga ... Năm 2010, tôi có dịp đến thăm cô và thầy Cẩn tại Moskva, cô vẫn hỏi thăm các anh em



bên nhà, ai nghiên cứu, công bố được những gì. Và còn dặn: “Có điều kiện thì gửi cho chúng tôi đọc nhé”.

Hồi trước, có một dạo, tôi đi làm việc ở một đại học xa nhà. Cô cũng đi cùng thầy Cẩn tới làm việc ở đó mấy tháng. Một hôm tôi tới thăm thầy cô. Chuyện văn về công việc, rồi cô khuyên tôi chú ý giữ gìn sức khoẻ khi phải xa gia đình. Lại bày cho cả cách nấu ăn, chăm nuôi trẻ nhỏ. Cô kể: “Anh biết không, hồi sơ tán, Việt và Nam (hai con trai cô) còn nhỏ. Đêm, tất nhiên, chỉ có đèn dầu thôi. Cô ngồi làm việc, đặt ngủ ở bên cạnh. Khi trẻ con khóc, đầu tiên là anh phải kiểm tra xem có thể bị kiến hay côn trùng gì đốt không, nếu không thì có thể đái dầm không, nếu không nữa thì có thể là đói, hoặc mùa đông là rét”... Tôi nghe,

không chỉ thấy và học kinh nghiệm chăm sóc con trẻ, mà như thấy cô và các thầy, trò khác với sách vở và những đốm đèn dầu của đêm đông trong vùng sơ tán..., thấy lại quê tôi, vùng nông thôn gần biển, cửa ngõ ra vào của máy bay Mỹ thời ấy. Tiếng kèng báo động. Tiếng súng phòng không. Tiếng bom nổ phía thành phố hay nơi nào đó, khi gần khi xa. Có đêm, nghe cả tiếng pháo kích từ tàu chiến Mỹ ngoài biển dội vào. Chúng tôi trẻ con, đang tuổi ăn tuổi lớn mà cái đói luôn ý xèo trong bụng. Tối đến, hai, ba anh chị em, mỗi đứa một góc trên cái phản gỗ ọp ẹp trong nhà, chụm đầu lúi húi học bài, ngáp ngáp ngáp dài quanh ngọn đèn dầu ở giữa, có cái loa con con làm bằng bia quẩy vỡ cũ che không cho ánh sáng hắt ra ngoài, sợ máy bay Mỹ phát hiện...

Nói theo cách bây giờ, thế là cô đã hoà nhập với chúng ta. Về Việt Nam, một đất nước xa lạ, vào lúc còn đang rất nghèo khó, vất vả, vì mới ra khỏi cuộc kháng chiến chống thực dân chưa được

bao lâu, cô đã nhanh chóng vượt qua những ngỡ ban đầu và bình thần, tự tin nhập cuộc. Đến đợt không quân Mỹ bắn phá, cũng sơ tán lên rừng tránh bom tránh đạn, vừa công việc vừa nuôi con nhỏ, khi về Hà Nội cũng vẫn tem phiếu mọi thứ, tiêu chuẩn mỗi tháng được mua 13 cân lương thực độn mỳ độn ngô... mà vẫn chuyên tâm nghiên cứu, giảng dạy... Tôi không thể biết cô và thầy có “bần” và “an bần” không, nhưng “lạc đạo” thì rõ. Không “lạc đạo” thì trong hoàn cảnh ấy, đào đâu ra những kết quả nghiên cứu như thế.